

## PHỤ LỤC I

### Địa điểm có nguy cơ xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tân Uyên)

STT	Địa điểm	Loại hình thiên tai	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>		
<b>1</b>	<b>Xã Nậm Sỏ</b>		
-	Các bản: Hua Ít, Ngam Ca	Sạt lở đất	
-	Bản Ui Dạo	Lũ lụt	
<b>2</b>	<b>Xã Trung Đồng</b>		
-	Các bản: Hua Cườm, Noong Kim, Bản Bút	Sạt lở đất, Lũ ống	

Các loại hình thiên tai: lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét đậm, rét hại, sương muối, sương mù...

**PHỤ LỤC II**  
**CÁC NGUỒN NHÂN LỰC ỨNG CỨU**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tân Uyên)

TT	Lực lượng	Lực lượng duy trì	Lực lượng huy động	Lực lượng huy động	Tổng cộng	Tổng cộng	Ghi chú
1	Ban Chỉ huy PCTT-TKCN	24	30	Lực lượng xung kích ở các xã, thị trấn (14 người/xã, thị trấn). Tổng 140 người (theo QĐ số 08/QĐ-TWPCTT ngày	Tổng 229 người trong đó: Cấp huyện 24 người. Cấp xã 205 người	54	Đội xung kích làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, với nòng cốt là lực lượng DQTV và sự tham gia của các thành viên từ các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, xã (Công an; Dân phòng; Chữ thập đỏ; Đoàn thanh niên; Hội Cựu chiến binh; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân; một số công chức chuyên môn ở xã như: Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, công chức văn phòng - thống kê, công chức văn hóa - xã hội, y tế, v.v),
2	TT Tân Uyên	18	60			78	
3	Xã Nậm Cắn	21	40			61	
4	Xã Trung Đồng	25	35			60	
5	Xã Thân Thuộc	22	30			52	
6	Xã Mường Khoa	21	40			61	
7	Xã Phúc Khoa	21	34			55	
8	Xã Pắc Ta	22	40			62	
9	Xã Hố Mít	22	40			62	
10	Xã Nậm Sỏ	13	60			73	
11	Xã tà Mít	20	20			40	
<b>Cộng tổng</b>		<b>229</b>	<b>429</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>658</b>	

**PHỤ LỤC III:**  
**Trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tân Uyên)

STT		Đơn vị tính	Nguồn	THỰC LỰC											Ghi chú
				Thời điểm 01/01/ 2022	Tăng trong kỳ KK		Giảm trong kỳ KK		Thời điểm 01/01/ 2023	Chất lượng*					
					Số lượng	Lý do	Số lượng	Lý do		1	2	3	4	5	
<b>I</b>	<b>Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy</b>														
<b>III</b>	<b>Các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, cứu sinh</b>														
<b>A</b>	<b>Nhà bạt các loại</b>	<b>Bộ</b>		<b>64</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>64</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	DTQG	64					64	64					
<b>B</b>	<b>Phao các loại</b>	<b>Chiếc</b>		<b>220</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>220</b>	<b>220</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phao áo cứu sinh	Chiếc	DTQG + Nguồn khác	70					70	70					
2	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	150					150	150					
<b>C</b>	<b>Trang thiết bị khác</b>			<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Máy phát điện loại 30 KVA	Chiếc	DTQG	1					1	1					
2	Loa cầm tay	Chiếc	Tài trợ	7					7	7					
<b>IV</b>	<b>Trang thiết bị vật tư y tế</b>														

(\*): chất lượng ứng với các mức độ (Rất tốt; tốt; trung bình; kém; không hoạt động)

**PHỤ LỤC IV**  
**ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Tân Uyên)

TT	Thông tin tổng hợp	Đơn vị tính	Huyện Tân Uyên	Ghi chú
1	Tổng số hộ trên địa bàn	Hộ	9,598	
2	Tổng số hộ bị thiệt hại về nhà cửa do thiên tai ( trong 5 năm trở lại đây)	Hộ	2,384	
3	Số lượng nhà ở khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ	172	
3.1	Số hộ nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của bão/ áp thấp nhiệt đới	Hộ	-	
3.2	Số hộ nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét	Hộ	157	
3.3	Số hộ nằm trong khu vực có nguy cơ ngập lụt	Hộ	15	
3.4	Số hộ nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở bờ sông, suối, kênh rạch	Hộ	-	
4	Dạng nhà ở		9,598	
4.1	Số nhà kiên cố	Nhà	9,598	
4.2	Số nhà thiếu kiên cố (Không đạt chuẩn Bộ Xây dựng "3 cứng")	Nhà		
4.3	Số nhà đơn sơ	Nhà	-	
5	Đánh giá chỗ ở an toàn		9,598	
5.1	Số hộ có chỗ ở an toàn	Hộ	9,441	
5.2	Số hộ chỗ ở kém an toàn	Hộ	157	
5.3	Số hộ chỗ ở cần di dời khẩn cấp	Hộ	-	
6	Số hộ đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng ( trong 5 năm trở lại đây)	Hộ	476	

Số liệu lấy trên báo cáo kết quả công tác NTM trên địa bàn huyện năm 2022; KH rà soát trước mùa mưa lũ năm 2023.